

CÔNG TY CỔ PHẦN CITY AUTO
Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ
Quý II năm 2022



MỤC LỤC

	Trang
1. Bảng cân đối kế toán hợp nhất	1 - 2
2. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất	3
3. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất	4
4. Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất	5 - 26

CÔNG TY CỔ PHẦN CITY AUTO

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Ngày 30 tháng 6 năm 2022

Đơn vị tính: đồng

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
A. Tài sản ngắn hạn	100		1.481.766.619.166	1.196.236.693.916
<i>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</i>	110	V.01	49.682.729.942	55.474.603.075
1. Tiền	111		49.682.729.942	48.474.603.075
2. Các khoản tương đương tiền	112		-	7.000.000.000
<i>II. Đầu tư tài chính ngắn hạn</i>	120		-	-
<i>III. Các khoản phải thu ngắn hạn</i>	130		1.214.471.846.907	806.737.742.258
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.02	491.249.129.917	227.221.874.252
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	V.03	275.005.727.482	162.846.914.790
3. Phải thu ngắn hạn khác	136	V.04a	448.127.761.909	416.497.749.943
4. Tài sản thiếu chờ xử lý	139		89.227.599	171.203.273
<i>IV. Hàng tồn kho</i>	140	V.05	206.540.921.419	325.137.984.316
1. Hàng tồn kho	141		206.958.406.326	325.555.469.223
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(417.484.907)	(417.484.907)
<i>V. Tài sản ngắn hạn khác</i>	150		11.071.120.898	8.886.364.267
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.06a	9.720.359.719	4.707.982.050
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152	V.14b	1.317.635.812	4.151.289.927
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	V.14b	33.125.367	27.092.290
B. Tài sản dài hạn	200		584.192.875.440	565.854.901.525
<i>I. Các khoản phải thu dài hạn</i>	210		285.614.943.554	282.607.051.396
1. Trả trước cho người bán dài hạn	212	V.03b	20.403.139.998	24.882.807.840
2. Phải thu dài hạn khác	216	V.04b	265.211.803.556	257.724.243.556
<i>II. Tài sản cố định</i>	220		159.403.125.770	159.454.459.452
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.08	72.562.707.104	74.795.519.469
- Nguyên giá	222		126.129.006.032	124.364.413.687
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(53.566.298.928)	(49.568.894.218)
2. Tài sản cố định vô hình	227	V.09	86.840.418.666	84.658.939.983
- Nguyên giá	228		88.001.531.441	85.634.531.441
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(1.161.112.775)	(975.591.458)
<i>III. Bất động sản đầu tư</i>	230		-	-
<i>IV. Tài sản dở dang dài hạn</i>	240		1.605.762.995	197.927.000
1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	V.10	1.605.762.995	197.927.000
<i>V. Đầu tư tài chính dài hạn</i>	250		48.000.000.000	48.000.000.000
1. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253	V.11	48.000.000.000	48.000.000.000
<i>VI. Tài sản dài hạn khác</i>	260		89.569.043.121	75.595.463.677
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.06b	3.087.195.695	3.755.405.829
2. Lợi thế thương mại	269	V.07	86.481.847.426	71.840.057.848
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		2.065.959.494.606	1.762.091.595.441

CÔNG TY CỔ PHẦN CITY AUTO

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Ngày 30 tháng 6 năm 2022

Đơn vị tính: đồng

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
C. Nợ phải trả	300		1.218.238.350.121	950.263.323.561
I. Nợ ngắn hạn	310		1.138.725.892.431	883.308.981.061
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.12	190.540.592.574	138.331.526.334
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	V.13	71.975.744.207	76.649.998.868
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.14a	10.680.136.422	18.321.760.878
4. Phải trả người lao động	314		11.408.081.071	10.071.708.861
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	V.15	9.833.062.214	4.125.141.327
6. Phải trả ngắn hạn khác	319	V.16	71.716.441.403	31.532.447.558
7. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	V.17a	769.756.245.112	601.002.100.658
8. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322	V.18	2.815.589.428	3.274.296.577
II. Nợ dài hạn	330		79.512.457.690	66.954.342.500
1. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	V.17b	79.512.457.690	66.954.342.500
D. Vốn chủ sở hữu	400		847.721.144.485	811.828.271.880
I. Vốn chủ sở hữu	410		847.721.144.485	811.828.271.880
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411	V.19	723.977.760.000	723.977.760.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		723.977.760.000	723.977.760.000
2. Quỹ đầu tư phát triển	418	V.19	4.367.682.760	4.367.682.760
3. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420	V.19	1.215.200.961	1.215.200.961
4. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421	V.19	88.705.618.578	52.559.940.586
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		52.559.940.586	3.444.212.783
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		36.145.677.992	49.115.727.803
5. Lợi ích của cổ đông không kiểm soát	429	V.20	29.454.882.186	29.707.687.573
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		2.065.959.494.606	1.762.091.595.441

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm là một bộ phận không thể tách rời báo cáo tài chính hợp nhất



Nguyễn Hoàng Minh Tiến
 Tổng Giám đốc
 Ngày 20 tháng 7 năm 2022

Lê Thị Phú
 Kế toán trưởng

Trương Thị Hồng Vân
 Người lập biểu

CÔNG TY CỔ PHẦN CITY AUTO

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho thời kỳ hoạt động từ ngày 01/4/2022 đến ngày 30/6/2022

Đơn vị tính: đồng

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Quý II		Lũy kế từ đầu năm đến cuối quý này	
			Năm 2022	Năm 2021	Năm 2022	Năm 2021
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	1		1.594.639.742.175	1.371.515.305.164	2.575.228.531.777	2.522.388.121.673
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	2		3.145.523.930	15.206.052.121	11.129.214.535	24.998.006.668
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10	VI.01	1.591.494.218.245	1.356.309.253.043	2.564.099.317.242	2.497.390.115.005
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.02	1.471.823.916.384	1.272.679.257.376	2.362.316.137.474	2.328.989.826.087
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		119.670.301.861	83.629.995.667	201.783.179.768	168.400.288.918
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.03	7.648.701.261	6.924.679.164	15.176.562.194	12.659.240.307
7. Chi phí tài chính	22	VI.04	10.344.398.720	12.185.319.284	19.764.972.582	22.457.058.676
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		10.344.398.720	12.185.319.284	19.764.972.582	22.457.058.676
8. Phần lãi/ (lỗ) trong công ty liên kết	24		-	(1.769.417.784)	-	(2.868.038.172)
9. Chi phí bán hàng	25	VI.05	64.721.254.444	45.779.719.025	106.731.725.990	91.794.593.673
10. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VI.06	32.676.281.172	27.435.294.041	57.856.795.572	50.011.183.475
11. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		19.577.068.786	3.384.924.697	32.606.247.818	13.928.655.229
12. Thu nhập khác	31	VI.07	9.665.394.148	2.367.396.185	13.262.229.749	9.050.771.728
13. Chi phí khác	32	VI.08	388.022.279	2.764.563.217	486.474.344	3.333.654.079
14. Lợi nhuận khác	40		9.277.371.869	(397.167.032)	12.775.755.405	5.717.117.649
15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		28.854.440.655	2.987.757.665	45.382.003.223	19.645.772.878
16. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	VI.09	5.031.138.445	2.114.247.092	6.912.512.979	2.785.072.347
17. Thu nhập thuế TNDN hoãn lại	52		-	-	-	-
18. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		23.823.302.210	873.510.573	38.469.490.244	16.860.700.531
19. Lợi nhuận sau thuế của Công ty mẹ	61		22.546.405.203	547.180.730	36.145.677.992	16.103.780.367
20. Lợi nhuận sau thuế của Cổ đông không kiểm soát	62		1.276.897.007	326.329.843	2.323.812.252	756.920.164
21. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VI.10	311	8	499	252
22. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71	VI.10	311	8	499	252

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm là một bộ phận không thể tách rời báo cáo tài chính hợp nhất



Nguyễn Hoàng Minh Tiến

Tổng Giám đốc

Ngày 20 tháng 7 năm 2022

Lê Thị Phú

Kế toán trưởng

Trương Thị Hồng Vân

Người lập biểu

CÔNG TY CỔ PHẦN CITY AUTO

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho thời kỳ hoạt động từ ngày 01/4/2022 đến ngày 30/6/2022

Đơn vị tính: đồng

CHỈ TIÊU	Mã số	Lũy kế từ đầu năm đến cuối quý này	
		Năm 2022	Năm 2021
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh			
1. Lợi nhuận trước thuế	01	45.382.003.223	19.645.772.878
2. Điều chỉnh cho các khoản			
Khấu hao TSCĐ và BĐSĐT	02	7.765.505.256	8.450.251.208
(Lãi) lỗ từ hoạt động đầu tư	05	(16.439.184.902)	(10.175.675.230)
Chi phí lãi vay	06	19.764.972.582	22.457.058.676
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08	56.473.296.159	40.377.407.532
(Tăng) giảm các khoản phải thu	09	(394.516.329.579)	(121.866.340.248)
(Tăng) giảm hàng tồn kho	10	118.597.062.897	(175.913.472.066)
Tăng (giảm) các khoản phải trả (Không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11	86.797.671.579	(37.691.298.736)
(Tăng) giảm chi phí trả trước	12	(18.985.957.113)	7.034.079.708
Tiền lãi vay đã trả	14	(19.816.830.076)	(22.346.017.952)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	(9.113.470.638)	(2.063.384.072)
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17	(458.707.149)	(146.642.160)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	(181.023.263.920)	(312.615.667.994)
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư			
Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21	(13.900.741.261)	(16.608.043.200)
Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22	6.094.100.909	5.179.090.908
Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	1.725.771.495	21.146.038
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	(6.080.868.857)	(11.407.806.254)
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính			
Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31	-	227.600.320.000
Tiền thu từ đi vay	33	1.668.252.128.746	1.825.518.544.924
Tiền trả nợ gốc vay	34	(1.486.939.869.102)	(1.740.816.090.201)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	181.312.259.644	312.302.774.723
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	50	(5.791.873.133)	(11.720.699.525)
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	55.474.603.075	39.582.976.464
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	-	-
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	70	49.682.729.942	27.862.276.939

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm là một bộ phận không thể tách rời báo cáo tài chính hợp nhất



Nguyễn Hoàng Minh Tiến
Tổng Giám đốc
Ngày 20 tháng 7 năm 2022

Lê Thị Phú
Kế toán trưởng

Trương Thị Hồng Vân
Người lập biểu

CÔNG TY CỔ PHẦN CITY AUTO

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho thời kỳ hoạt động từ ngày 01/4/2022 đến ngày 30/6/2022

(Đơn vị tính bằng đồng, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

Bảng thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời và được đọc cùng với các báo cáo tài chính hợp nhất được đính kèm.

I. Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp

1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần City Auto (gọi tắt là “Công ty”) được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0307979603 ngày 09/3/2009 và đăng ký thay đổi đến lần thứ 14 ngày 21/12/2021 được cấp bởi Sở Kế hoạch và Đầu tư TP. Hồ Chí Minh.

Công ty đã được chấp thuận là công ty đại chúng theo Công văn số 6315/UBCK-GSĐC ngày 19/9/2016 của Ủy ban chứng khoán Nhà nước.

- Hình thức sở hữu vốn: Vốn Cổ phần.

- Vốn điều lệ đăng ký: 723.977.760.000 đồng

- Vốn góp thực tế đến 30/6/2022: 723.977.760.000 đồng

Trụ sở chính đặt tại số 218, Quốc lộ 13, phường Hiệp Bình Chánh, Tp. Thủ Đức, Tp. Hồ Chí Minh.

Công ty có các Chi nhánh hoạt động như sau:

- Chi nhánh Công ty Cổ phần City Auto – Kho hàng đặt tại Lô F3, đường K1, KCN Cát Lái, phường Thạnh Mỹ Lợi, Tp. Thủ Đức, thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam, mã số chi nhánh: 0307979603;

- Công ty Cổ phần City Auto – Chi nhánh Bà Rịa đặt tại Quốc lộ 51, phường Phước Trung, thị xã Bà Rịa, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu, Việt Nam, mã số chi nhánh: 0307979603-002;

- Công ty Cổ phần City Auto – Chi nhánh Vũng Tàu đặt tại số 40A, đường 30/4, phường 9, thành phố Vũng Tàu, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu, Việt Nam, mã số chi nhánh: 0307979603-004;

- Chi nhánh Công ty Cổ phần City Auto – Kho hàng 02 đặt tại 431 Nguyễn Xí, phường 11, quận Bình Thạnh, thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam, mã số chi nhánh: 0307979603-003;

- Chi nhánh Công ty Cổ phần City Auto – Kho hàng 03 đặt tại số 124/9D Ung Văn Khiêm, Phường 25, Quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh, mã số chi nhánh: 0307979603-005.

2. Lĩnh vực kinh doanh: Thương mại - Dịch vụ.

3. Ngành nghề kinh doanh

Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, ngành nghề kinh doanh đăng ký của Công ty là:

- Đại lý du lịch;

- Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình. Chi tiết: Bán buôn hàng trang trí nội thất;

- Tư vấn, môi giới, đấu giá bất động sản, đấu giá quyền sử dụng đất. Chi tiết: dịch vụ tư vấn bất động sản; quản lý bất động sản;

- Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê. Chi tiết: kinh doanh bất động sản;

- Bán buôn ô tô và xe có động cơ khác. Chi tiết: bán buôn xe ô tô, xe gắn máy và phụ tùng;

- Đại lý ô tô và xe có động cơ khác;

- Bán lẻ ô tô con (loại 12 chỗ ngồi trở xuống). Chi tiết: bán lẻ ô tô;

- Bán phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của ô tô và xe có động cơ khác. Chi tiết: bán buôn phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của xe ô tô và xe có động cơ khác;

- Vận tải hành khách đường bộ khác. Chi tiết: vận tải hành khách bằng xe ô tô;

- Vận tải hàng hóa bằng đường bộ. Chi tiết: vận tải hàng hóa đường bộ;

- Cho thuê xe có động cơ. Chi tiết: cho thuê xe du lịch từ 4 đến 45 chỗ ngồi;

- Bán buôn máy vi tính, thiết bị ngoại vi và phần mềm;

- Bảo dưỡng, sửa chữa ô tô và xe có động cơ khác (không gia công cơ khí, tái chế phế thải, xi mạ điện tại trụ sở);

CÔNG TY CỔ PHẦN CITY AUTO

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho thời kỳ hoạt động từ ngày 01/4/2022 đến ngày 30/6/2022

(Đơn vị tính bằng đồng, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

- Sửa chữa máy móc thiết bị (không gia công cơ khí, tái chế phế thải, xi mạ điện tại trụ sở);
- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường sắt và đường bộ (dịch vụ cứu hộ cứu nạn);
- Bán buôn chuyên kinh doanh khác chưa được phân vào đâu. Chi tiết: bán buôn hóa chất khác (trừ loại sử dụng trong nông nghiệp);
- Bán buôn máy móc, thiết bị, phụ tùng máy khác (bán buôn máy móc, thiết bị điện, vật liệu điện);
- Trồng rừng và chăm sóc rừng. Chi tiết: trồng rừng, khai thác gỗ rừng trồng;
- Hoạt động của đại lý và môi giới bảo hiểm. Chi tiết: hoạt động của đại lý bảo hiểm.

4. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường: 12 tháng

5. Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính

Khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính đều được đáp ứng.

6. Danh sách công ty con được hợp nhất:

Tên Công ty	Địa chỉ	Lĩnh vực kinh doanh	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ quyền biểu quyết
- Công ty Cổ phần Ô tô Phú Mỹ	Lô B1, đường C2, KCN Cát Lái 2, Tp. Thủ Đức, Tp. Hồ Chí Minh	Thương mại và dịch vụ	98,53%	98,53%
- Công ty Cổ phần Ô tô Nha Trang	Số 51 Lê Hồng Phong, phường Phước Tân, Tp.Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa	Thương mại và dịch vụ	73,00%	73,00%
- Công ty Cổ phần Auto Trường Chinh	số 682A, Trường Chinh, phường 15, quận Tân Bình, Tp. Hồ Chí Minh	Thương mại và dịch vụ	96,52%	96,52%
- Công ty Cổ phần Auto Tân Thuận	số 216, Quốc lộ 13, phường Hiệp Bình Chánh, Tp. Thủ Đức, Tp. Hồ Chí Minh	Thương mại và dịch vụ	90,00%	90,00%
- Công ty Cổ phần City Auto Vũng Tàu	Số 224 Quốc lộ 51, Phường Kim Dinh, Tp. Bà Rịa, Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu	Thương mại và dịch vụ	0,00%	95,00%
- Công ty Cổ phần Ô tô Phú Yên	Thôn Đông Phước, Xã Hòa An, Huyện Phú Hoà, Tỉnh Phú Yên	Thương mại và dịch vụ	39,00%	82,80%

II. Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

1. Kỳ kế toán năm: bắt đầu từ ngày 01/01, kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là Đồng Việt Nam.

III. Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

1. Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng theo Hệ thống Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính.

Công ty đã lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất theo hướng dẫn tại Thông tư số 202/2014/TT/BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho thời kỳ hoạt động từ ngày 01/4/2022 đến ngày 30/6/2022

(Đơn vị tính bằng đồng, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

2. Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Các Báo cáo tài chính đính kèm được trình bày theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với các Chuẩn mực, Chế độ kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam.

IV. Các chính sách kế toán áp dụng

1. Hợp nhất báo cáo tài chính

Các báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm các báo cáo tài chính của Công ty Cổ phần City Auto và các Công ty con ("Tập đoàn") cho thời kỳ tài chính quý II năm 2022. Các báo cáo tài chính của các Công ty con đã được lập cho cùng thời kỳ tài chính với Công ty theo các chính sách kế toán thống nhất với các chính sách kế toán của Công ty. Các bút toán điều chỉnh đã được thực hiện đối với bất kỳ chính sách kế toán nào có điểm khác biệt nhằm đảm bảo tính thống nhất giữa các Công ty con và Công ty.

Tất cả các số dư và các giao dịch nội bộ, kể cả các khoản lãi chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch nội bộ đã được loại trừ hoàn toàn. Các khoản lỗ chưa thực hiện được loại trừ trên báo cáo tài chính hợp nhất, trừ trường hợp không thể thu hồi chi phí.

Lợi ích của cổ đông thiểu số thể hiện phần lợi nhuận hoặc lỗ và tài sản thuần không nắm giữ bởi các cổ đông của Công ty và được trình bày ở mục riêng trên báo cáo kết quả kinh doanh hợp nhất và bảng cân đối kế toán hợp nhất.

Công ty con được hợp nhất kể từ ngày Công ty nắm quyền kiểm soát và sẽ chấm dứt hợp nhất kể từ ngày Công ty không còn kiểm soát công ty con đó. Trường hợp Công ty không còn kiểm soát Công ty con thì các báo cáo tài chính hợp nhất sẽ bao gồm cả kết quả hoạt động kinh doanh của giai đoạn thuộc năm báo cáo mà trong giai đoạn đó Công ty vẫn còn nắm quyền kiểm soát.

Báo cáo tài chính của các Công ty con thuộc đối tượng hợp nhất kinh doanh dưới sự kiểm soát chung được bao gồm trong báo cáo tài chính hợp nhất của Tập đoàn theo phương pháp cộng giá trị sổ sách. Báo cáo tài chính của công ty con khác được hợp nhất vào báo cáo của Tập đoàn theo phương pháp mua, theo đó tài sản và nợ phải trả được ghi nhận theo giá trị hợp lý tại ngày hợp nhất kinh doanh.

2. Nguyên tắc ghi nhận các khoản tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn và có kỳ hạn dưới ba tháng, các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn gốc không quá ba tháng, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

3. Các loại tỷ giá hối đoái áp dụng trong kế toán

Công ty có nghiệp vụ kinh tế phát sinh bằng ngoại tệ phải thực hiện ghi sổ kế toán và lập Báo cáo tài chính theo một đơn vị tiền tệ thống nhất là Đồng Việt Nam. Việc quy đổi đồng ngoại tệ ra đồng Việt Nam được thực hiện như sau:

Tỷ giá giao dịch thực tế đối với các giao dịch bằng ngoại tệ phát sinh trong kỳ:

- Tỷ giá giao dịch thực tế khi mua bán ngoại tệ là tỷ giá ký kết trong hợp đồng mua, bán ngoại tệ giữa công ty và ngân hàng thương mại;

- Trường hợp hợp đồng không quy định tỷ giá thanh toán thì công ty ghi sổ kế toán theo nguyên tắc:

+ Tỷ giá giao dịch thực tế khi góp vốn hoặc nhận vốn góp: Là tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng nơi công ty mở tài khoản để nhận vốn của nhà đầu tư tại ngày góp vốn;

+ Tỷ giá giao dịch thực tế khi ghi nhận nợ phải thu: Là tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi công ty chỉ định khách hàng thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh;

+ Tỷ giá giao dịch thực tế khi ghi nhận nợ phải trả: Là tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi công ty dự kiến giao dịch tại thời điểm giao dịch phát sinh.

+ Đối với các giao dịch mua sắm tài sản hoặc các khoản chi phí được thanh toán ngay bằng ngoại tệ (không qua các tài khoản phải trả), tỷ giá giao dịch thực tế là tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi công ty thực hiện thanh toán.

Tỷ giá giao dịch thực tế khi đánh giá lại khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày lập Báo cáo tài chính:

- Tỷ giá giao dịch thực tế khi đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là tài sản: Là tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi công ty thường xuyên có giao dịch tại thời điểm lập Báo cáo tài chính. Riêng các khoản tiền gửi ngân hàng được đánh giá theo tỷ giá mua của ngân hàng có tài khoản ngoại tệ.

CÔNG TY CỔ PHẦN CITY AUTO

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho thời kỳ hoạt động từ ngày 01/4/2022 đến ngày 30/6/2022

(Đơn vị tính bằng đồng, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

- Tỷ giá giao dịch thực tế khi đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là nợ phải trả: Là tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng thương mại tại thời điểm lập Báo cáo tài chính.
- Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong kỳ và chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư ngoại tệ cuối kỳ được kết chuyển vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh của năm tài chính

4. Nguyên tắc kế toán nợ phải thu

- Các khoản phải thu được trình bày trên báo cáo tài chính theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu từ khách hàng và phải thu khác cùng với dự phòng được lập cho các khoản nợ phải thu khó đòi.
- Phải thu của khách hàng gồm các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua – bán;
- Phải thu khác gồm các khoản phải thu không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua - bán.
- Các khoản phải thu có thời hạn thu hồi hoặc thanh toán không quá 1 năm được phân loại là tài sản ngắn hạn.
- Các khoản phải thu có thời hạn thu hồi hoặc thanh toán trên 1 năm được phân loại là tài sản dài hạn.
- Dự phòng phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản không được khách hàng thanh toán phát sinh đối với số dư các khoản phải thu tại thời điểm lập bảng cân đối kế toán. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được phản ánh vào chi phí quản lý doanh nghiệp trong kỳ.

5. Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho

- Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho:
 - + Hàng tồn kho được tính theo giá gốc. Trường hợp giá trị thuần có thể thực hiện được thấp hơn giá gốc thì phải tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được.
 - + Giá trị thuần có thể thực hiện được: Là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong kỳ sản xuất, kinh doanh bình thường trừ (-) chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.
- Phương pháp tính giá trị hàng tồn kho: bình quân gia quyền. Riêng đối với hàng hóa là các loại xe ô tô giá xuất được xác định theo phương pháp thực tế đích danh.
- Phương pháp hạch toán hàng tồn kho: kê khai thường xuyên.
- Dự phòng giảm giá hàng tồn kho: được trích lập cho phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản suy giảm trong giá trị có thể xảy ra đối với vật tư, thành phẩm, hàng hoá tồn kho thuộc quyền sở hữu của doanh nghiệp dựa trên bằng chứng hợp lý về sự suy giảm giá trị vào thời điểm lập bảng cân đối kế toán. Số tăng hoặc giảm khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho được kết chuyển vào giá vốn hàng bán trong kỳ.

6. Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao TSCĐ

Tài sản cố định được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào hoạt động như dự kiến. Các chi phí mua sắm, nâng cấp ... và đổi mới tài sản cố định được tính vào nguyên giá TSCĐ. Chi phí bảo trì, sửa chữa được tính vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong năm mà chi phí phát sinh. Khi tài sản được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và bất kỳ các khoản lãi lỗ nào phát sinh do thanh lý tài sản đều được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Quyền sử dụng đất

Quyền sử dụng đất là toàn bộ các chi phí thực tế Công ty đã chi ra có liên quan trực tiếp tới đất sử dụng, bao gồm: tiền chi ra để có quyền sử dụng đất, chi phí cho đền bù, giải phóng mặt bằng, san lấp mặt bằng, lệ phí trước bạ.

Phần mềm máy vi tính và phần mềm kế toán

Phần mềm máy tính và phần mềm kế toán là toàn bộ các chi phí mà Công ty đã chi ra tính đến thời điểm đưa phần mềm vào sử dụng.

Khấu hao tài sản cố định

Khấu hao tài sản cố định được tính theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian hữu dụng ước tính của các tài sản. Tỷ lệ khấu hao áp dụng theo tỷ lệ quy định tại Thông tư 45/2013/TT-BTC ngày 25/4/2013 của Bộ Tài Chính.

CÔNG TY CỔ PHẦN CITY AUTO

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho thời kỳ hoạt động từ ngày 01/4/2022 đến ngày 30/6/2022

(Đơn vị tính bằng đồng, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

- Nhà cửa vật kiến trúc	04 - 25 năm
- Máy móc thiết bị	03 - 12 năm
- Phương tiện vận tải	06 - 07 năm
- Thiết bị quản lý	03 - 05 năm
- Phần mềm	02 - 05 năm

7. Nguyên tắc kế toán chi phí trả trước

Chi phí trả trước để phản ánh các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động SXKD của nhiều kỳ kế toán và việc kết chuyển các khoản chi phí này vào chi phí SXKD của các kỳ kế toán sau.

8. Lợi thế thương mại

Lợi thế thương mại phát sinh từ giao dịch mua Công ty con là chênh lệch giữa giá phí khoản đầu tư và giá trị hợp lý của tài sản thuần có thể xác định được của công ty con tại ngày mua. Lợi thế thương mại được phân bổ dần đều trong thời gian hữu ích được ước tính là 10 năm. Định kỳ, Công ty đánh giá lại tổn thất lợi thế thương mại, nếu có bằng chứng cho thấy số lợi thế thương mại bị tổn thất lớn hơn số phân bổ hàng năm thì phân bổ theo số lợi thế thương mại bị tổn thất ngay trong kỳ phát sinh.

9. Nguyên tắc ghi nhận vay và nợ phải trả thuê tài chính

Các khoản vay được ghi nhận ban đầu theo giá gốc không bao gồm các chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến khoản vay. Nợ thuê tài chính được ghi nhận bằng giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu hoặc giá trị hợp lý của tài sản thuê. Công ty trình bày chi tiết các khoản vay và nợ thuê tài chính theo kỳ hạn phải trả, các khoản vay và nợ có thời gian trả nợ không quá 12 tháng kể từ thời điểm lập báo cáo tài chính được trình bày vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn, trường hợp ngược lại thì trình bày vay và nợ thuê tài chính dài hạn

10. Lương, bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp, bảo hiểm tai nạn lao động

Tiền lương được tính và trích lập trong chi phí trong kỳ theo hợp đồng lao động. Công ty trích bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế và bảo hiểm thất nghiệp dựa trên lương hợp đồng theo tỷ lệ quy định hiện hành.

11. Nguyên tắc kế toán nợ phải trả

Các khoản nợ phải trả được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả:

- Phải trả người bán gồm các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hoá dịch vụ;
- Phải trả khác gồm các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

Các khoản phải trả có thời hạn thu hồi hoặc thanh toán không quá 01 năm được phân loại là nợ ngắn hạn.

Các khoản phải trả có thời hạn thu hồi hoặc thanh toán trên 01 năm được phân loại là nợ dài hạn.

12. Nguyên tắc ghi nhận chi phí phải trả

Chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được không phụ thuộc vào việc Công ty đã thanh toán hoặc nhận được hóa đơn của nhà cung cấp hay chưa.

13. Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu

- Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp ban đầu của chủ sở hữu.

Phân phối lợi nhuận

Lợi nhuận sau thuế được chia cho các cổ đông sau khi được các cổ đông thông qua tại Đại hội Cổ đông Thường niên và sau khi trích lập các quỹ theo Điều lệ của Công ty và các quy định pháp luật Việt Nam.

CÔNG TY CỔ PHẦN CITY AUTO

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho thời kỳ hoạt động từ ngày 01/4/2022 đến ngày 30/6/2022

(Đơn vị tính bằng đồng, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

14. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm/hàng hóa cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng Cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng Cân đối kế toán;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, cổ tức và lợi nhuận được chia của công ty được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (2) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

Doanh thu từ tiền lãi, cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận trên cơ sở: Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng kỳ; Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi cổ đông được quyền nhận cổ tức hoặc các bên tham gia góp vốn được quyền nhận lợi nhuận từ việc góp vốn.

Thu nhập khác: bao gồm các khoản thu từ các hoạt động xảy ra không thường xuyên, ngoài các hoạt động tạo ra doanh thu.

15. Nguyên tắc kế toán giá vốn hàng bán

Phản ánh trị giá vốn của sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ.

16. Nguyên tắc kế toán chi phí tài chính

Phản ánh những khoản chi phí hoạt động tài chính bao gồm các khoản chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến chi phí đi vay vốn, khoản lỗ phát sinh khi bán ngoại tệ, lỗ tỷ giá hối đoái, lỗ do trích lập dự phòng các khoản đầu tư tài chính.

17. Nguyên tắc kế toán chi phí bán hàng, chi phí quản lý doanh nghiệp

Chi phí bán hàng

Phản ánh các chi phí thực tế phát sinh trong quá trình bán hàng hoá, cung cấp dịch vụ bao gồm các chi phí nhân viên, chi phí vận chuyển,...

Chi phí quản lý doanh nghiệp

Phản ánh các chi phí quản lý chung của doanh nghiệp gồm các chi phí về lương nhân viên bộ phận quản lý doanh nghiệp; bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, kinh phí công đoàn, bảo hiểm thất nghiệp của nhân viên quản lý doanh nghiệp; chi phí vật liệu văn phòng, công cụ lao động, khấu hao TSCĐ dùng cho quản lý doanh nghiệp; tiền thuê đất, thuế môn bài; khoản lập dự phòng phải thu khó đòi; dịch vụ mua ngoài; chi phí bằng tiền khác.

CÔNG TY CỔ PHẦN CITY AUTO

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho thời kỳ hoạt động từ ngày 01/4/2022 đến ngày 30/6/2022

(Đơn vị tính bằng đồng, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

18. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành, chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại

Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp bằng 20% trên thu nhập chịu thuế. Thu nhập chịu thuế được tính dựa trên kết quả hoạt động trong năm và điều chỉnh cho các khoản chi phí không được khấu trừ và các khoản lỗ do các năm trước mang sang, nếu có.

- Ngoài thuế thu nhập doanh nghiệp, Công ty có nghĩa vụ nộp thuế khác theo các quy định về thuế hiện hành.

- Khoản thuế phải nộp thể hiện trên sổ sách kế toán là số liệu do Công ty ước tính. Số thuế phải nộp cụ thể sẽ được ghi nhận theo kiểm tra quyết toán thuế của cơ quan thuế.

Thuế hiện hành

Tài sản thuế và thuế phải nộp cho năm hiện hành và các năm trước được xác định bằng giá trị dự kiến phải nộp cho (hoặc được thu hồi từ) cơ quan thuế, sử dụng các mức thuế suất và các luật thuế có hiệu lực.

Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định cho các khoản chênh lệch tạm thời tại ngày lập Bảng cân đối kế toán giữa cơ sở tính thuế thu nhập của các tài sản và nợ phải trả và giá trị ghi sổ của chúng cho mục đích báo cáo tài chính.

19. Lãi trên cổ phiếu

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty sau khi trích lập quỹ khen thưởng và phúc lợi cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm.

Lãi suy giảm trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm và số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông sẽ được phát hành trong trường hợp tất cả các cổ phiếu phổ thông tiềm năng có tác động suy giảm đều được chuyển thành cổ phiếu phổ thông.

20. Bên liên quan

Một bên được xem là có liên quan đến Công ty nếu có khả năng kiểm soát Công ty hay có ảnh hưởng đáng kể tới các hoạt động cũng như tài chính của Công ty. Các giao dịch chủ yếu giữa Công ty và các bên liên quan, nếu có, sẽ được trình bày trong các báo cáo tài chính.

V. Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trong Bảng cân đối kế toán

1. Tiền và các khoản tương đương tiền	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Tiền mặt	5.458.056.193	7.112.958.237
- Tại Công ty Cổ phần City Auto	864.653.593	651.216.529
- Tại Công ty Cổ phần Ô tô Phú Mỹ	180.564.139	2.145.604.394
- Tại Công ty Cổ phần Ô tô Nha Trang	443.888.362	324.970.332
- Tại Công ty Cổ phần Auto Trường Chinh (hợp nhất)	971.909.599	994.126.482
- Tại Công ty Cổ phần Auto Tân Thuận	2.997.040.500	2.997.040.500
Tiền gửi ngân hàng	44.224.673.749	41.361.644.838
- Tại Công ty Cổ phần City Auto	7.951.450.851	11.248.290.639
- Tại Công ty Cổ phần Ô tô Phú Mỹ	3.954.376.563	12.251.757.153
- Tại Công ty Cổ phần Ô tô Nha Trang	9.936.876.454	1.418.397.045
- Tại Công ty Cổ phần Auto Trường Chinh (hợp nhất)	22.377.763.122	16.438.892.826
- Tại Công ty Cổ phần Auto Tân Thuận	4.206.759	4.307.175
Các khoản tương đương tiền	-	7.000.000.000
- Tại Công ty Cổ phần Ô tô Nha Trang	-	7.000.000.000
Cộng	49.682.729.942	55.474.603.075

CÔNG TY CỔ PHẦN CITY AUTO

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho thời kỳ hoạt động từ ngày 01/4/2022 đến ngày 30/6/2022

(Đơn vị tính bằng đồng, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
2. Phải thu của khách hàng ngắn hạn		
- Các khách hàng khác (chiếm dưới 10% trên tổng phải thu khách hàng)	191.531.556.762	178.018.882.675
- Công ty CP Tập đoàn Tân Thành Đô	221.166.232.557	49.202.991.577
- Công ty TNHH Auto Hoàng Gia Sài Gòn	78.551.340.598	-
Cộng	491.249.129.917	227.221.874.252
3. Trả trước cho người bán		
a) Ngắn hạn		
- Công Ty TNHH Minh Long	71.397.106.336	54.750.387.436
- Công ty CP Tập đoàn Tân Thành Đô	102.358.630.641	99.138.394.478
- Công Ty CP Liên Doanh Ô Tô Hyundai Thành Công Việt Nam	28.244.841.366	-
- Công ty Cổ phần Easy Car	25.483.905.977	-
- Công ty TNHH Ô Tô VW Nha Trang	11.169.740.002	-
- Ông Đỗ Cao Trí	17.500.000.000	-
- Các khoản ứng trước đến các nhà cung cấp khác	18.851.503.160	8.958.132.876
Cộng	275.005.727.482	162.846.914.790
b) Dài hạn		
- Công ty CP Tập đoàn Tân Thành Đô	20.403.139.998	24.882.807.840
Cộng	20.403.139.998	24.882.807.840
4. Phải thu khác		
a) Phải thu khác ngắn hạn		
- Phải thu hỗ trợ bán hàng từ nhà cung cấp chính	34.244.655.008	38.390.614.179
- Phải thu khác từ Công ty CP Bất Động Sản Bảo Long	40.937.945.230	55.547.945.230
- Phải thu khác từ Công ty CP Tập đoàn Tân Thành Đô	108.293.440.375	71.297.665.097
- Phải thu khác từ Công ty TNHH Minh Long	23.775.558.164	21.890.772.471
- Phải thu tiền mua cổ phần cho Công ty TNHH Auto Hoàng Gia Hà Nội	30.600.000.000	30.600.000.000
- Phải thu tiền cho mượn đến các cá nhân	83.577.790.939	73.587.424.602
- Phải thu ngắn hạn tiền góp vốn tham gia hợp đồng hợp tác kinh doanh cho Công ty CP Easy Car	10.693.000.000	8.700.000.000
- Các khoản tạm ứng nhân viên	15.757.224.659	25.200.996.219
- Ký quỹ cho Công ty TNHH Minh Long thực hiện cải tạo nhà xưởng	70.000.000.000	70.000.000.000
- Ký quỹ ngắn hạn khác	3.054.645.830	2.956.558.925
- Các khoản phải thu khác	27.193.501.704	18.325.773.220
Cộng	448.127.761.909	416.497.749.943
b) Phải thu khác dài hạn		
- Ký quỹ thuê văn phòng Công ty CP Tập đoàn Tân Thành Đô	191.732.000.000	191.732.000.000
- Ký quỹ thuê văn phòng cho Công ty TNHH Minh Long thời hạn 10 năm	67.160.000.000	60.146.440.000
- Ký quỹ dài hạn khác	6.319.803.556	5.845.803.556
Cộng	265.211.803.556	257.724.243.556

CÔNG TY CỔ PHẦN CITY AUTO

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho thời kỳ hoạt động từ ngày 01/4/2022 đến ngày 30/6/2022

(Đơn vị tính bằng đồng, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

5. Hàng tồn kho	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
- Công cụ dụng cụ	119.357.535	-	194.010.011	-
- Chi phí sản xuất dở dang	9.890.235.029	-	5.446.919.993	-
- Hàng hóa (5.1)	196.948.813.762	(417.484.907)	319.914.539.219	(417.484.907)
Cộng	206.958.406.326	(417.484.907)	325.555.469.223	(417.484.907)
(5.1) Chi tiết hàng hóa tồn kho:			Số cuối kỳ	Số đầu năm
Xe các loại			140.281.244.851	264.959.840.831
- Tại Công ty Cổ phần City Auto			13.602.827.272	33.107.798.496
- Tại Công ty Cổ phần Ô tô Phú Mỹ			1.420.327.272	20.856.136.363
- Tại Công ty Cổ phần Ô tô Nha Trang			16.232.199.279	12.694.913.630
- Tại Công ty Cổ phần Auto Trường Chinh (hợp nhất)			109.025.891.028	198.300.992.342
Phụ tùng, phụ kiện			56.667.568.911	54.954.698.388
- Tại Công ty Cổ phần City Auto			21.803.718.676	19.920.778.821
- Tại Công ty Cổ phần Ô tô Phú Mỹ			24.012.649.297	23.922.630.493
- Tại Công ty Cổ phần Ô tô Nha Trang			6.012.715.346	7.610.778.484
- Tại Công ty Cổ phần Auto Trường Chinh (hợp nhất)			4.838.485.592	3.500.510.590
Cộng			196.948.813.762	319.914.539.219
6. Chi phí trả trước			Số cuối kỳ	Số đầu năm
a) Ngắn hạn				
- Công cụ, dụng cụ chờ phân bổ			736.621.300	1.128.325.995
- Vật tư sơn chờ kết chuyển			557.204.721	455.273.184
- Chi phí trả trước khác chờ kết chuyển			8.426.533.698	3.124.382.871
Cộng			9.720.359.719	4.707.982.050
b) Dài hạn				
- Công cụ, dụng cụ chờ phân bổ			2.044.710.120	2.360.744.603
- Chi phí trả trước khác chờ kết chuyển			1.042.485.575	1.394.661.226
Cộng			3.087.195.695	3.755.405.829
7. Lợi thế thương mại			Số cuối kỳ	Số đầu năm
Lợi thế thương mại phát sinh khi hợp nhất			116.664.208.355	97.164.208.355
Lợi thế thương mại đã phân bổ			(30.182.360.929)	(25.324.150.507)
Cộng			86.481.847.426	71.840.057.848

CÔNG TY CỔ PHẦN CITY AUTO

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho thời kỳ hoạt động từ ngày 01/4/2022 đến ngày 30/6/2022

(Đơn vị tính bằng đồng, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

8. Tài sản cố định hữu hình	Số đầu năm	Tăng	Giảm	Số cuối kỳ
Nguyên giá				
Nhà cửa, vật kiến trúc	51.037.131.960	-	-	51.037.131.960
Máy móc, thiết bị	36.154.370.684	648.450.000	158.030.000	36.644.790.684
Phương tiện vận tải	35.493.316.062	9.440.455.266	8.203.282.921	36.730.488.407
Thiết bị, dụng cụ quản lý	1.679.594.981	37.000.000	-	1.716.594.981
Cộng	124.364.413.687	10.125.905.266	8.361.312.921	126.129.006.032
Khấu hao lũy kế				
Nhà cửa, vật kiến trúc	16.330.242.147	2.180.766.864	-	18.511.009.011
Máy móc, thiết bị	21.197.497.395	2.383.104.404	109.743.050	23.470.858.749
Phương tiện vận tải	10.961.141.457	2.966.930.625	3.472.836.179	10.455.235.903
Thiết bị, dụng cụ quản lý	1.080.013.219	49.182.046	-	1.129.195.265
Cộng	49.568.894.218	7.579.983.939	3.582.579.229	53.566.298.928
Giá trị còn lại				
Nhà cửa, vật kiến trúc	34.706.889.813			32.526.122.949
Máy móc, thiết bị	14.956.873.289			13.173.931.935
Phương tiện vận tải	24.532.174.605			26.275.252.504
Thiết bị, dụng cụ quản lý	599.581.762			587.399.716
Cộng	74.795.519.469			72.562.707.104
9. Tài sản cố định vô hình	Số đầu năm	Tăng	Giảm	Số cuối kỳ
Nguyên giá				
Quyền sử dụng đất	84.022.474.623	-	-	84.022.474.623
Phần mềm	1.612.056.818	2.367.000.000	-	3.979.056.818
Cộng	85.634.531.441	2.367.000.000	-	88.001.531.441
Khấu hao lũy kế				
Quyền sử dụng đất	-	-	-	-
Phần mềm	975.591.458	185.521.317	-	1.161.112.775
Cộng	975.591.458	185.521.317	-	1.161.112.775
Giá trị còn lại				
Quyền sử dụng đất	84.022.474.623			84.022.474.623
Phần mềm	636.465.360			2.817.944.043
Cộng	84.658.939.983			86.840.418.666
10. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang			Số cuối kỳ	Số đầu năm
- Mua sắm tài sản cố định			810.517.813	68.500.000
- Chi phí xây dựng showroom - Công ty CP Auto Bình Phước			795.245.182	129.427.000
Cộng			1.605.762.995	197.927.000

CÔNG TY CỔ PHẦN CITY AUTO

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho thời kỳ hoạt động từ ngày 01/4/2022 đến ngày 30/6/2022

(Đơn vị tính bằng đồng, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

11. Các khoản đầu tư tài chính

DVT: ngàn đồng

	Số cuối kỳ			Số đầu năm		
	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Dự phòng	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Dự phòng
- Đầu tư khác	48.000.000	48.000.000	-	48.000.000	48.000.000	-
Cộng	48.000.000	48.000.000	-	48.000.000	48.000.000	-
Đầu tư dài hạn khác	Số cuối kỳ			Số đầu năm		
Tên công ty	Giá gốc	Giá trị hợp lý		Giá gốc	Giá trị hợp lý	
- Công ty CP Easy Car	8.000.000.000	8.000.000.000		8.000.000.000	8.000.000.000	
- Cty CP New City Rent A Car	40.000.000.000	40.000.000.000		40.000.000.000	40.000.000.000	
Cộng	48.000.000.000	48.000.000.000		48.000.000.000	48.000.000.000	

Đầu tư mua 1.600.000 cổ phần của Công ty CP New City Rent A Car với giá trị chuyển nhượng 40 tỷ đồng, sở hữu 16% vốn điều lệ, theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0315125524 ngày 10/11/2020 với vốn điều lệ 100 tỷ đồng.

Đầu tư nhận chuyển nhượng 800.000 cổ phần của Công ty Cổ phần Easy Car với giá trị chuyển nhượng là 8 tỷ đồng, chiếm 10,25% vốn điều lệ, theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0315963325 ngày 14/11/2019 với vốn điều lệ là 78 tỷ đồng.

12. Phải trả người bán ngắn hạn

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
- Công ty TNHH Ford Việt Nam	20.430.836.531	20.430.836.531	17.619.318.396	17.619.318.396
- Công ty TNHH Minh Long	13.793.383.156	13.793.383.156	8.096.327.201	8.096.327.201
- Công Ty CP Liên Doanh Ô Tô Hyundai Thành Công Việt Nam	-	-	15.388.399.094	15.388.399.094
- Công ty CP TĐ Tân Thành Đô	6.865.684.454	6.865.684.454	16.167.142.296	16.167.142.296
- Công ty CP Auto Phú Mỹ Hưng	14.757.816.002	14.757.816.002	-	-
- Công ty CP Trident Auto	37.510.000.000	37.510.000.000	9.010.000.000	9.010.000.000
- Công ty TNHH Trend Motor VN	5.645.631.067	5.645.631.067	26.032.233.931	26.032.233.931
- Công Ty TNHH Ô Tô VW Nha Trang	64.782.215.730	64.782.215.730	-	-
- Công ty CP Truck&Bus Trường Chinh	-	-	29.504.000.000	29.504.000.000
- Các đối tượng khác	26.755.025.634	26.755.025.634	16.514.105.416	16.514.105.416
Cộng	190.540.592.574	190.540.592.574	138.331.526.334	138.331.526.334

13. Người mua trả tiền trước ngắn hạn

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
- Các khách hàng khác (chiếm dưới 10% tổng phải thu khách hàng)	71.975.744.207	76.649.998.868
Cộng	71.975.744.207	76.649.998.868

14. Thuế và các khoản phải nộp/phải thu Nhà nước

a) Phải nộp	Số cuối kỳ	Số đầu năm
- Thuế giá trị gia tăng phải nộp	3.812.539.029	9.215.957.010
- Thuế thu nhập doanh nghiệp	6.590.959.926	8.791.917.585
- Thuế thu nhập cá nhân	276.637.467	313.886.283
Cộng	10.680.136.422	18.321.760.878

CÔNG TY CỔ PHẦN CITY AUTO

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho thời kỳ hoạt động từ ngày 01/4/2022 đến ngày 30/6/2022

(Đơn vị tính bằng đồng, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

b) Phải thu			Số cuối kỳ	Số đầu năm		
- Thuế giá trị gia tăng còn được khấu trừ			1.317.635.812	4.151.289.927		
- Thuế thu nhập cá nhân (nộp dư)			33.125.367	27.092.290		
Cộng			1.350.761.179	4.178.382.217		
15. Chi phí phải trả ngắn hạn			Số cuối kỳ	Số đầu năm		
- Trích trước chi phí đào tạo trả cho Công ty Ford Việt Nam			766.132.094	725.119.500		
- Trích trước chi phí lãi vay			219.653.807	271.511.301		
- Chi phí phải trả khác			8.847.276.313	3.128.510.526		
Cộng			9.833.062.214	4.125.141.327		
16. Các khoản phải trả khác ngắn hạn			Số cuối kỳ	Số đầu năm		
- Kinh phí công đoàn			3.211.458.466	2.838.055.445		
- Tài sản thừa chờ xử lý			482.837.300	482.837.300		
- Chi hộ Công ty Ford Việt Nam cho nhân viên bán hàng			1.947.810.000	3.760.050.054		
- Phải trả Công ty CP Easy Car			5.000.000.000	5.000.000.000		
- Phải trả tiền mua cổ phần Công ty CP ô tô Phú Yên cho ông Trần Lâm			19.150.000.000	-		
- Phải trả tiền thu hộ cho Tập đoàn Tân Thành Đô			18.800.000.000	-		
- Phải trả bà Trần Thị Tâm tiền thu hộ chuyển nhượng cổ phần			3.160.000.000	3.160.000.000		
- Phải trả cổ tức cho cổ đông không kiểm soát của Tập đoàn			1.858.845.255	288.153.925		
- Các khoản phải trả khác			18.105.490.382	16.003.350.834		
Cộng			71.716.441.403	31.532.447.558		
17. Vay và nợ thuê tài chính			Số đầu năm	Tăng	Giảm	Số cuối kỳ
a. Ngắn hạn			601.002.100.658	1.655.914.026.546	1.480.002.294.592	769.756.245.112
- NH Ngoại thương	(17.1)	137.451.270.300	391.410.945.601	409.752.651.734	119.109.564.167	
- NH Bảo Việt	(17.2)	48.254.633.163	316.567.157.000	303.836.117.163	60.985.673.000	
- NH Quân đội	(17.3)	6.965.381.600	25.424.237.150	23.421.214.200	8.968.404.550	
- NH Công Thương	(17.4)	16.358.218.750	45.510.737.069	48.089.325.000	13.779.630.819	
- NH An Bình		18.599.876.819	-	18.599.876.819	-	
- NH Xuất nhập khẩu	(17.5)	11.959.170.350	76.051.361.900	86.683.848.250	1.326.684.000	
- NH VN Thịnh Vượng	(17.6)	15.387.183.800	21.580.439.300	26.659.108.000	10.308.515.100	
- NH Đầu tư và Phát triển	(17.7)	307.495.539.976	362.566.627.686	444.006.284.576	226.055.883.086	
- NH Quốc tế	(17.8)	24.916.350.900	121.514.303.970	117.941.679.850	28.488.975.020	
- NH Phương Đông	(17.9)	-	18.117.777.532	1.012.189.000	17.105.588.532	
- NH Indovina	(17.10)	-	272.602.499.338	-	272.602.499.338	
- NH Chính sách xã hội	(17.11)	2.778.300.000	4.567.940.000	-	7.346.240.000	
- Nợ dài hạn đến hạn trả		10.836.175.000			3.678.587.500	
b. Dài hạn		66.954.342.500	12.338.102.200	6.937.574.510	79.512.457.690	
- NH Ngoại thương	(17.1)	77.560.480.000	1.970.000.000	6.776.080.000	72.754.400.000	
- NH Quân đội	(17.3)	230.037.500	-	98.587.500	131.450.000	
- NH Bảo Việt	(17.2)	-	9.000.000.000	-	9.000.000.000	
- NH VN Thịnh Vượng	(17.6)	-	1.368.102.200	62.907.010	1.305.195.190	
- Nợ dài hạn đến hạn trả		(10.836.175.000)			(3.678.587.500)	
Cộng		667.956.443.158	1.668.252.128.746	1.486.939.869.102	849.268.702.802	

CÔNG TY CỔ PHẦN CITY AUTO

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho thời kỳ hoạt động từ ngày 01/4/2022 đến ngày 30/6/2022

(Đơn vị tính bằng đồng, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

Cho đến ngày 30/6/2022, Công ty không có khoản vay quá hạn chưa thanh toán.

(17.1) Vay ngắn và dài hạn từ Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam theo các hợp đồng như sau:

(17.1.1) Khoản vay ngắn hạn do Công ty CP City Auto vay tại Chi nhánh Tân Định theo hợp đồng tín dụng số 0474/KHDN/21/HMCMV ngày 24/9/2021 với tổng hạn mức vay là 250 tỷ đồng, thời hạn duy trì hạn mức 12 tháng, thời hạn vay cho từng khoản nợ không quá 04 tháng và lãi suất vay theo từng lần giải ngân. Mục đích vay: Bổ sung vốn lưu động. Tài sản đảm bảo cho khoản vay này bao gồm quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại số 431 Nguyễn Xí, phường 11, quận Bình Thạnh, Tp.HCM được quy định cụ thể tại các hợp đồng thế chấp kèm theo. Số dư nợ vay đến ngày 30/6/2022 là 63.835.890.000 đồng.

(17.1.2) Khoản vay ngắn hạn do Công ty CP Auto Bình Phước vay tại Chi nhánh Bình Phước theo Hợp đồng tín dụng hạn mức số: 07K21/KHBB ngày 14/12/2021 và Hợp đồng tín dụng hạn mức số: 07A21/KHBB ngày 14/12/2021. Tổng hạn mức tín dụng là 260 tỷ đồng. Thời hạn cấp hạn mức đến ngày 20/11/2022. Mục đích vay: bổ sung vốn lưu động. Thời hạn vay tối đa 04 tháng từ ngày hợp đồng có hiệu lực. Lãi suất vay theo từng lần nhận nợ. Tài sản đảm bảo cho khoản vay này là hàng hóa xe ô tô thương hiệu Hyundai mới 100% phát sinh theo hợp đồng mua bán xe giữa Công ty CP Hyundai Thành Công Việt Nam và khách hàng. Thế chấp/ cầm cố theo hợp đồng số 025CC21/KHBB ngày 20/5/2021 và 279CC20 ngày 17/2/2021. Số dư nợ vay đến ngày 30/6/2022 là 11.928.885.350 đồng.

(17.1.3) Khoản vay ngắn hạn do Công ty CP ô tô Nha Trang vay tại chi nhánh Khánh Hòa theo hợp đồng tín dụng số 2021/HDTD-NTF ngày 23/7/2021 với hạn mức tín dụng là 80 tỷ đồng. Mục đích vay: Tài trợ nhu cầu tín dụng ngắn hạn, hợp pháp, hợp lý, hợp lệ phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh của khách hàng nhưng không bao gồm nhu cầu ngắn hạn phục vụ cho hoạt động đầu tư tài sản cố định. Thời hạn cho vay không quá 03 tháng. Lãi suất vay chi tiết theo từng giấy nhận nợ. Tài sản đảm bảo: hợp đồng thế chấp hàng hóa số 2018/ONTS ngày 01/02/2018 và hợp đồng thế chấp hàng hóa số 2020/ONT/TS ngày 29/3/2019. Số dư nợ vay đến ngày 30/6/2022 là 11.618.368.000 đồng.

(17.1.4) Khoản vay dài hạn do Công ty CP ô tô Nha Trang vay tại chi nhánh Khánh Hòa theo hợp đồng sau:

- Số 2019/CVTL-ONT/03 ngày 23/9/2019 với số tiền vay là 1.370.000.000 đồng, thời hạn vay: 36 tháng. Mục đích vay: mua xe ô tô Ford Explorer BKS 79A-260.49. Tài sản đảm bảo cho khoản vay này là tài sản hình thành từ vốn vay, được quy định tại hợp đồng thế chấp số 2019/TC-ONT/03 ngày 23/9/2019.
 - Số 2019/CVTL-ONT/04 ngày 19/12/2019 và phụ lục số 01/2019/CVTL-ONT/04 ngày 19/12/2019 với số tiền vay là 630.000.000 đồng, thời hạn vay: 36 tháng kể từ ngày giải ngân. Mục đích vay: mua xe ô tô Ford Tourneo BKS 79A-277.01. Tài sản đảm bảo cho khoản vay này là tài sản hình thành từ vốn vay, được quy định cụ thể tại hợp đồng thế chấp số 2019/PTVT-OTONT ngày 19/12/2019.
 - Số 2020/ONT/CVTL/02 ngày 07/10/2020 với số tiền vay là 2.450.000.000 đồng. Thời hạn vay: 60 tháng. Mục đích vay: thanh toán chi phí đầu tư hệ thống điện năng lượng Mặt trời 250kW theo hợp đồng kinh tế số 02/2020/HĐ/SOLAR ngày 31/8/2020. Tài sản đảm bảo là tài sản được hình thành từ nguồn vốn vay.
 - Số 2021/ONT/CVTL/01 ngày 26/01/2021 với số tiền vay: 1.220.000.000 đồng. Thời hạn vay: 36 tháng; Mục đích vay: tài trợ mua xe Ford Ecosport BKS 79A-318.90 và Ford Everest BKS 79A-328.38). Tài sản đảm bảo: tài sản được hình thành từ nguồn vốn vay.
 - Số 2022/CVTL/NTFT/01 ngày 28/01/2022 với số tiền vay: 550.000.000 đồng. Thời hạn vay: 36 tháng; Mục đích vay: tài trợ mua xe Ford Ranger BKS 79C-187.61. Tài sản đảm bảo: tài sản được hình thành từ nguồn vốn vay.
 - Số 2022/CVTL/NTFT/01 ngày 30/03/2022 với số tiền vay: 1.420.000.000 đồng. Thời hạn vay: 36 tháng; Mục đích vay: tài trợ mua xe Ford Ranger BKS 79A-380.07. Tài sản đảm bảo: tài sản được hình thành từ nguồn vốn vay.
- Số dư nợ vay dài hạn đến ngày 30/6/2022 là 4.123.000.000 đồng.

CÔNG TY CỔ PHẦN CITY AUTO

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho thời kỳ hoạt động từ ngày 01/4/2022 đến ngày 30/6/2022

(Đơn vị tính bằng đồng, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

(17.1.5) Khoản vay dài hạn do Công ty CP Auto Trường Chinh vay theo Hợp đồng cấp tín dụng số 0269/KHDN/20 ngày 03/11/2020, hợp đồng sửa đổi bổ sung số 0269/KHDN/20-SĐ1 ngày 03/11/2020 và Hợp đồng cho vay từng lần trung dài hạn số 0270/KHDN/20/TLDH ngày 03/11/2020, số tiền vay là 50 tỷ đồng, thời hạn vay: 84 tháng. Mục đích vay: để thanh toán chi phí trả trước dài hạn là tiền thuê mặt bằng kinh doanh (showroom). Lãi suất vay theo lãi suất thỏa thuận tại thời điểm nhận nợ. Tài sản đảm bảo cho khoản vay này bao gồm:

- + 500.000 cổ phiếu CTF của Công ty CP City Auto thuộc sở hữu của ông Trần Lâm và bà Võ Thị Thanh Hiền.
- + 290.650 cổ phiếu CTF thuộc sở hữu của ông Nguyễn Đăng Hoàng và bà Nguyễn Thị Tố Trinh.
- + 1.446.405 cổ phiếu CTF thuộc sở hữu của bà Đồng Thị Thanh Thắm.
- + 2.756.911 cổ phiếu CTF thuộc sở hữu của ông Ngô Công Minh và bà Phạm Thị Ái Hạnh.
- + Các hợp đồng tiền gửi.
- + Xe ô tô nhãn hiệu Hyundai mới 100%.

Số dư nợ vay đến ngày 30/6/2022 của khoản vay này là 39.260.000.000 đồng.

(17.1.6) Khoản vay ngắn hạn do Công ty CP Auto Trường Chinh vay theo hợp đồng cho vay theo hạn mức số 0147/KHDN/22/HMCV ngày 04/5/2022 với hạn mức tín dụng là 100 tỷ đồng. Mục đích vay: bổ sung vốn lưu động. Thời hạn cấp hạn mức 12 tháng, thời hạn vay tối đa 6 tháng từ ngày giải ngân. Lãi suất vay theo từng lần nhận nợ. Tài sản đảm bảo cho khoản vay này được quy định tại mục (17.1.5). Số dư nợ vay đến ngày 30/6/2022 của khoản vay này là 16.733.180.400 đồng.

(17.1.7) Khoản vay dài hạn do Công ty CP ô tô Phú Mỹ vay theo Hợp đồng cấp tín dụng số 0337/KHDN/20/CVTL ngày 10/12/2020, hạn mức vay: 36.177.000.000 đồng, thời hạn vay: 96 tháng. Mục đích vay: để thanh toán chi phí trả trước dài hạn là tiền thuê mặt bằng kinh doanh (showroom). Lãi suất vay theo lãi suất thỏa thuận tại thời điểm nhận nợ. Tài sản đảm bảo cho khoản vay này bao gồm:

- + 1.453.000 cổ phiếu CTF của Công ty CP City Auto thuộc sở hữu của ông Nguyễn Quang Khải.
- + 1.147.000 cổ phiếu CTF thuộc sở hữu của ông Trần Quang Trí và bà Đinh Đào Giao Thoại Khanh.

Số dư nợ vay đến ngày 30/6/2022 của khoản vay này là 29.371.400.000 đồng.

(17.1.8) Khoản vay ngắn hạn do Công ty CP ô tô Phú Mỹ vay theo hợp đồng cho vay theo hạn mức số 0152/KHDN/21/HMCV ngày 07/4/2021 với hạn mức tín dụng là 15 tỷ đồng. Mục đích vay: bổ sung vốn lưu động. Thời hạn cấp hạn mức 12 tháng, thời hạn vay tối đa 6 tháng từ ngày giải ngân. Lãi suất vay theo từng lần nhận nợ. Tài sản đảm bảo cho khoản vay này được quy định tại mục (17.1.7). Số dư nợ vay đến ngày 30/6/2022 của khoản vay này là 14.993.240.417 đồng.

(17.2) Khoản vay từ Ngân hàng TMCP Bảo Việt - Chi nhánh Tp.HCM theo các hợp đồng sau:

(17.2.1) Khoản vay ngắn hạn do Công ty CP City Auto vay theo Hợp đồng tín dụng số 0320-2021-HDTD1-BVB003 ngày 17/11/2021 với tổng hạn mức vay là 100 tỷ đồng; thời hạn cấp hạn mức 12 tháng; thời hạn cho vay theo từng lần nhận nợ và tối đa không quá 04 tháng, lãi suất vay theo từng giấy nhận nợ. Tài sản đảm bảo cho khoản vay này được quy định cụ thể tại Hợp đồng thế chấp tài sản và các phụ lục đi kèm; bao gồm các xe ô tô Ford mới 100% thuộc sở hữu của bên vay. Số dư các khoản vay đến ngày 30/6/2022 là 21.565.265.000 đồng.

(17.2.2) Khoản vay ngắn hạn do Công ty CP ô tô Phú Mỹ vay theo Hợp đồng tín dụng số 0045-2021-HDDTD1-BVB03 ngày 31/3/2021 với tổng hạn mức vay là 100 tỷ đồng; thời hạn cấp hạn mức 12 tháng; thời hạn cho vay theo từng lần nhận nợ và tối đa không quá 04 tháng, lãi suất vay theo từng giấy nhận nợ. Tài sản đảm bảo cho khoản vay này được quy định cụ thể tại Hợp đồng thế chấp tài sản và các phụ lục đi kèm; bao gồm các xe ô tô Ford mới 100% thuộc sở hữu của bên vay. Số dư các khoản vay đến ngày 30/6/2022 là 39.420.408.000 đồng.

(17.2.3) Khoản vay dài hạn do Công ty CP ô tô Phú Mỹ vay theo Hợp đồng tín dụng số 0039-2022-HD9TD1-BVB003 ngày 19/4/2022 với số tiền vay tối đa là 12,8 tỷ đồng; thời hạn cho vay 120 tháng. Mục đích vay: nhận chuyển nhượng 04 quyền sử dụng đất tại địa chỉ ấp 05, xã Tam Hiệp, huyện Châu Thành, tỉnh Tiền Giang. Tài sản đảm bảo cho khoản vay này là các bất động sản hình thành từ vốn vay được quy định cụ thể tại các Hợp đồng thế chấp tài sản. Số dư các khoản vay đến ngày 30/6/2022 là 9.000.000.000 đồng.

CÔNG TY CỔ PHẦN CITY AUTO

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho thời kỳ hoạt động từ ngày 01/4/2022 đến ngày 30/6/2022

(Đơn vị tính bằng đồng, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

(17.3) - Khoản vay từ Ngân hàng TMCP Quân Đội theo các hợp đồng sau:

(17.3.1) Khoản vay ngắn hạn theo Hợp đồng tín dụng hạn mức số 6278.22.117.2897485.TD ngày 18/02/2022. Hạn mức tín dụng là 100 tỷ đồng. Mục đích vay: bổ sung vốn lưu động và phát hành bảo lãnh phục vụ kinh doanh xe ô tô Hyundai. Thời hạn vay tối đa 4 tháng từ ngày giải ngân. Lãi suất vay theo từng lần nhận nợ. Tài sản đảm bảo cho khoản vay này là hàng hóa hình thành từ vốn vay theo các Hợp đồng thế chấp từng lần phát sinh. Khoản vay này do Công ty CP Auto Trường Chinh vay. Số dư các khoản vay đến ngày 30/6/2022 là 7.116.060.800 đồng.

(17.3.2) Khoản vay ngắn hạn theo Hợp đồng tín dụng hạn mức số 6321.22.117.5943003.TD ngày 18/02/2022. Hạn mức tín dụng là 70 tỷ đồng. Mục đích vay: bổ sung vốn lưu động và phát hành bảo lãnh phục vụ kinh doanh xe ô tô Hyundai. Thời hạn cấp hạn mức đến ngày 31/01/2023, thời hạn vay tối đa 4 tháng từ ngày giải ngân. Lãi suất vay theo từng lần nhận nợ. Tài sản đảm bảo cho khoản vay này là hàng hóa hình thành từ vốn vay theo các Hợp đồng thế chấp từng lần phát sinh. Khoản vay này do Công ty CP Auto Bình Phước (công ty con của Công ty CP Auto Trường Chinh) vay. Số dư các khoản vay đến ngày 30/6/2022 là 1.852.343.750 đồng.

(17.3.3) Vay dài hạn theo Hợp đồng cho vay trung hạn số 3235.21.117.2897485.TD ngày 18/01/2021 với hạn mức cho vay: 10 tỷ đồng. Số tiền vay là 394.350.000 đồng. Mục đích vay: mua xe Hyundai BS 51H-832.79. Thời hạn vay 24 tháng. Tài sản đảm bảo cho khoản vay này là xe ô tô hình thành từ vốn vay theo Hợp đồng thế chấp tài sản cụ thể. Khoản vay này do Công ty CP Auto Trường Chinh vay. Số dư nợ vay đến ngày 30/6/2022 là 131.450.000 đồng.

(17.4) Vay ngắn hạn Ngân hàng TMCP Công Thương theo các hợp đồng sau:

(17.4.1) Hợp đồng tín dụng hạn mức số 0804a/2021-HĐCVHM/NHCT924-ATT ngày 23/8/2021. Hạn mức tín dụng là 120 tỷ đồng. Mục đích vay: bổ sung vốn lưu động. Thời hạn cấp hạn mức đến ngày 31/7/2022, thời hạn vay tối đa 4 tháng từ ngày giải ngân. Lãi suất vay theo từng lần nhận nợ. Tài sản đảm bảo cho khoản vay này là hàng hóa hình thành từ vốn vay theo các Hợp đồng thế chấp từng lần phát sinh. Khoản vay này do Công ty CP Auto Trường Chinh vay. Số dư nợ vay đến ngày 30/6/2022 là 461.430.200 đồng.

(17.4.2) Hợp đồng tín dụng hạn mức số DUYNT8-001/2022-HĐCVHM/NHCT504-AUTOBP ngày 31/12/2021. Hạn mức tín dụng là 80 tỷ đồng. Mục đích vay: bổ sung vốn lưu động. Thời hạn cấp hạn mức đến ngày 31/12/2022, thời hạn vay tối đa 4 tháng từ ngày giải ngân. Lãi suất vay theo từng lần nhận nợ. Tài sản đảm bảo cho khoản vay này là hàng hóa hình thành từ vốn vay theo các Hợp đồng thế chấp từng lần phát sinh. Khoản vay này do Công ty CP Auto Bình Phước vay. Số dư nợ vay đến ngày 30/6/2022 là 13.318.200.619 đồng.

(17.5) Vay ngắn hạn từ Ngân hàng TMCP Xuất nhập khẩu Việt Nam theo Hợp đồng tín dụng hạn mức số LAV210076461/2000 ngày 28/10/2021 với tổng hạn mức vay là 100 tỷ đồng; thời hạn cấp hạn mức 12 tháng; thời hạn cho vay theo từng lần nhận nợ và tối đa không quá 03 tháng, lãi suất vay theo từng giấy nhận nợ. Tài sản đảm bảo cho khoản vay này được quy định tại các hợp đồng thế chấp hàng hóa từng lần phát sinh là hàng hóa - xe ô tô Hyundai các loại hình thành từ vốn vay mới 100% hoặc hiện hữu thuộc sở hữu của bên vay. Khoản vay này do Công ty CP Auto Trường Chinh vay. Số dư nợ vay đến ngày 30/6/2022 là 1.326.684.000 đồng.

(17.6) Vay từ Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng theo các Hợp đồng sau:

(17.6.1) Vay ngắn hạn theo Hợp đồng cấp hạn mức tín dụng số 475/2021/HDHM ngày 13/10/2021 với tổng hạn mức vay là 100 tỷ đồng; thời hạn cấp hạn mức: 12 tháng; thời hạn cho vay theo từng lần nhận nợ và tối đa không quá 06 tháng, lãi suất vay theo từng giấy nhận nợ cụ thể. Tài sản đảm bảo cho khoản vay này là hàng hóa - xe ô tô du lịch, xe ô tô tải, xe chuyên dùng hiệu Hyundai còn mới 100% hình thành từ vốn vay hoặc có sẵn trong kho. Khoản vay này do Công ty CP Auto Trường Chinh vay. Số dư nợ vay đến ngày 30/6/2022 là 10.308.515.100 đồng.

(17.6.2) Vay dài hạn theo Hợp đồng cho vay kèm hợp đồng thế chấp số 130422-5926837-AUTO-1/HĐ ngày 14/4/2022 và 090622-5926837-AUTO-1/HĐ ngày 09/6/2022. Số tiền vay là 1.368.102.200 đồng. Thời hạn vay 48 tháng. Mục đích vay: mua xe ô tô phục vụ đi lại. Tài sản đảm bảo cho khoản vay này là tài sản hình thành từ vốn vay. Khoản vay này do Công ty CP Auto Bình Phước vay. Số dư nợ vay đến ngày 30/6/2022 của khoản vay này là 1.305.195.190 đồng.

(17.7) Vay ngắn hạn từ Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam theo các hợp đồng tín dụng sau:

(17.7.1) Hợp đồng tín dụng số 01/2021/4528578/HĐTD ngày 01/12/2021 với tổng hạn mức vay là 180 tỷ đồng; thời hạn cấp hạn mức: 12 tháng; thời hạn cho vay theo từng lần nhận nợ và tối đa không quá 06 tháng, lãi suất vay theo từng giấy nhận nợ cụ thể. Tài sản đảm bảo cho khoản vay này là xe ô tô Ford mới 100% hình thành từ vốn vay. Khoản vay này do Công ty CP ô tô Phú Mỹ vay. Số dư nợ vay đến ngày 30/6/2022 là 81.922.467.886 đồng.

CÔNG TY CỔ PHẦN CITY AUTO

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho thời kỳ hoạt động từ ngày 01/4/2022 đến ngày 30/6/2022

(Đơn vị tính bằng đồng, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

(17.7.2) Hợp đồng tín dụng số 90/2021/11402179/HDTD ngày 22/6/2021 với tổng hạn mức vay là 300 tỷ đồng; thời hạn cấp hạn mức 12 tháng; thời hạn cho vay theo từng lần nhận nợ và tối đa không quá 04 tháng, lãi suất vay theo từng giấy nhận nợ cụ thể. Tài sản đảm bảo cho khoản vay này được quy định tại các hợp đồng thế chấp hàng hóa từng lần phát sinh là hàng hóa là xe ô tô Ford các loại hình thành từ vốn vay mới 100%. Khoản vay này do Công ty CP City Auto vay. Số dư nợ vay đến ngày 30/6/2022 là 125.676.772.700 đồng.

(17.7.3) Hợp đồng tín dụng số 01/2021/8943817/HĐTD ngày 08/10/2021. Hạn mức tín dụng 400 tỷ đồng, trong đó dư nợ vay tối đa là 160 tỷ đồng. Thời hạn cấp hạn mức đến ngày 30/9/2022, thời hạn vay tối đa 4 tháng từ ngày giải ngân. Lãi suất vay theo từng lần nhận nợ. Tài sản đảm bảo cho khoản vay này là hàng hóa hình thành từ vốn vay theo Hợp đồng thế chấp từng lần phát sinh. Khoản vay này do Công ty CP Auto Trường Chinh vay. Số dư nợ vay đến ngày 30/6/2022 là 18.456.642.500 đồng.

(17.8) Vay ngắn hạn từ Ngân hàng TMCP Quốc tế theo Hợp đồng tín dụng số 8867553.21 ngày 23/6/2021. Hạn mức cho vay ngắn hạn là 100 tỷ đồng. Thời hạn cấp hạn mức: 12 tháng, thời hạn vay tối đa 6 tháng từ ngày giải ngân. Lãi suất vay theo từng lần nhận nợ. Tài sản đảm bảo cho khoản vay này là hàng hóa hình thành từ vốn vay theo các Hợp đồng thế chấp từng lần phát sinh. Khoản vay này do Công ty CP Auto Trường Chinh vay. Số dư nợ vay đến ngày 30/6/2022 của khoản vay này là 28.488.975.020 đồng.

(17.9) Vay ngắn hạn từ Ngân hàng TMCP Phương Đông - chi nhánh Tân Bình theo Hợp đồng tín dụng số 0086/2022/HĐTD-OCB-DN ngày 07/4/2022, hạn mức vay: 25 tỷ đồng. Mục đích vay: bổ sung vốn lưu động. Thời hạn tín dụng: 12 tháng kể từ ngày ký hợp đồng. Lãi suất vay theo từng lần nhận nợ. Tài sản đảm bảo cho khoản vay này là tài sản gắn liền với đất tại phường Nghi Hương, thị xã Cửa Lò, tỉnh Nghệ An với giá trị định giá là 38.802.000.000 đồng thuộc sở hữu của Công ty CP Golf biển Cửa Lò theo Hợp đồng thế chấp số 0083/2022/BĐ, số 0084/2022/BĐ, số 0085/2022/BĐ ngày 23/5/2022. Khoản vay này do Công ty CP Auto Trường Chinh vay. Số dư nợ vay đến ngày 30/6/2022 của khoản vay này là 17.105.588.532 đồng.

(17.10) Vay ngắn hạn từ Ngân hàng TNHH Indovina theo các Hợp đồng cấp hạn mức tín dụng:

(17.10.1) Hợp đồng tín dụng hạn mức số 07/0322/CLri/6285628 ngày 13/4/2022 với tổng hạn mức vay là 100 tỷ đồng; thời hạn cấp hạn mức 12 tháng; thời hạn cho vay theo từng lần nhận nợ và tối đa không quá 06 tháng, lãi suất vay theo từng giấy nhận nợ cụ thể. Tài sản đảm bảo cho khoản vay này là tài sản gắn liền với đất tại thửa đất số 18 thuộc tờ bản đồ số 38, tại phường Nghi Hương, thị xã Cửa Lò, tỉnh Nghệ An với giá trị định giá là 360.223.000.000 đồng thuộc sở hữu của Công ty CP Golf biển Cửa Lò theo Hợp đồng thế chấp số 07/0322/HĐTC-01 ngày 13/4/2022 và Phụ lục số 07/0322/HĐTC-01/PL-0622 ngày 20/6/2022. Khoản vay này do Công ty CP City Auto vay. Số dư nợ vay đến ngày 30/6/2022 là 10.308.515.100 đồng.

(17.10.2) Hợp đồng tín dụng số 20/0622/CL/6322018 ngày 27/6/2022. Hạn mức tín dụng 80 tỷ đồng. Thời hạn cấp hạn mức 12 tháng, thời hạn vay tối đa 6 tháng từ ngày giải ngân. Lãi suất vay theo từng lần nhận nợ. Khoản vay này do Công ty CP ô tô Phú Mỹ vay. Số dư nợ vay đến ngày 30/6/2022 là 64.797.600.000 đồng. Tài sản đảm bảo cho khoản vay này bao gồm:

a.1. Cổ phiếu theo các Hợp đồng thế chấp cổ phiếu bao gồm:

- + 12.500.000 cổ phiếu BSG của Công ty CP Xe khách Sài Gòn thuộc sở hữu của Công ty CP Tập đoàn Tân Thành Đô;
- + 74.250 cổ phiếu CTF của Công ty CP City Auto thuộc sở hữu của Công ty CP Tập đoàn Tân Thành Đô;
- + 500.000 cổ phiếu CTF thuộc sở hữu của Bà Khổng Phương Thanh;
- + 51.766 cổ phiếu CTF thuộc sở hữu của Ông Nguyễn Quang Khải;
- + 53.880 cổ phiếu CTF thuộc sở hữu của Ông Nguyễn Văn Thành;
- + 66.793 cổ phiếu CTF thuộc sở hữu của Ông Phạm Anh Hưng;
- + 32.994 cổ phiếu CTF thuộc sở hữu của Ông Trần Lâm;
- + 120.960 cổ phiếu CTF thuộc sở hữu của Ông Trần Long;
- + 68.820 cổ phiếu CTF thuộc sở hữu của Ông Trần Quang Trí;
- + 70.336 cổ phiếu CTF thuộc sở hữu của Bà Trần Thị Tâm.

a.2. Hàng tồn kho là xe Ford mới 100% theo Hợp đồng thế chấp tài sản số 17/0622/HĐTC-HTK-01.

a.3. Quyền tài sản phát sinh từ Hợp đồng nguyên tắc về việc thuê và cho thuê đất và tài sản gắn liền với đất tại Lô B1, đường C2, KCN Cát Lái II, TP. Thủ Đức, TP. Hồ Chí Minh và tại Lô F3, đường D1, KCN Cát Lái II, TP. Thủ Đức, TP. Hồ Chí Minh theo Hợp đồng thế chấp quyền tài sản phát sinh từ hợp đồng thuê lại đất có cơ sở hạ tầng số 19/0622/HĐTC-QTS.

CÔNG TY CỔ PHẦN CITY AUTO

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho thời kỳ hoạt động từ ngày 01/4/2022 đến ngày 30/6/2022

(Đơn vị tính bằng đồng, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

(17.10.3) Hợp đồng tín dụng số 17/0622/CL/6370659 ngày 15/6/2022 và Hợp đồng sửa đổi bổ sung số 17/0622/CL/PL01-0622 ngày 23/6/2022. Hạn mức tín dụng tối đa 120 tỷ đồng. Thời hạn cấp hạn mức 12 tháng, thời hạn vay tối đa 6 tháng từ ngày giải ngân. Lãi suất vay theo từng lần nhận nợ. Khoản vay này do Công ty CP Auto Trường Chinh vay. Số dư nợ vay đến ngày 30/6/2022 là 90.814.771.338 đồng. Tài sản đảm bảo cho khoản vay này bao gồm:

a.1. Cổ phiếu theo các Hợp đồng thế chấp cổ phiếu bao gồm:

- + 1.927.400 cổ phiếu BSG thuộc sở hữu của Công ty CP Tập đoàn Tân Thành Đô;
- + 4.500.000 cổ phiếu BSG thuộc sở hữu của ông Nguyễn Văn Thành;
- + 1.399.200 cổ phiếu CTF thuộc sở hữu của ông Ngô Đức Toàn;
- + 837.400 cổ phiếu CTF thuộc sở hữu của bà Thái Thị Xuân Quỳnh;
- + 943.400 cổ phiếu CTF thuộc sở hữu của ông Nguyễn Văn Tuấn;
- + 2.121.007 cổ phiếu CTF thuộc sở hữu của bà Phạm Thị Ái Hạnh;
- + 288.000 cổ phiếu CTF thuộc sở hữu của Công ty CP Tập đoàn Tân Thành Đô;
- + 154.044 cổ phiếu CTF thuộc sở hữu của ông Nguyễn Đăng Hoàng;
- + 120.600 cổ phiếu CTF thuộc sở hữu của ông Trần Ngọc Dân;
- + 397.547 cổ phiếu CTF thuộc sở hữu của ông Trần Lâm.

a.2. Hàng tồn kho là xe Hyundai mới 100% theo Hợp đồng thế chấp tài sản số 20/0622/HĐTC-HTK-01.

(17.10.4) Hợp đồng tín dụng số 21/0622/CL/6370672 ngày 15/6/2022. Hạn mức tín dụng tối đa 60 tỷ đồng. Thời hạn cấp hạn mức 12 tháng, thời hạn vay tối đa 6 tháng từ ngày giải ngân. Lãi suất vay theo từng lần nhận nợ. Khoản vay này do Công ty CP Auto Bình Phước vay. Số dư nợ vay đến ngày 30/6/2022 là 39.069.000.000 đồng. Tài sản đảm bảo cho khoản vay này bao gồm:

- + 9.000.000 cổ phiếu BSG thuộc sở hữu của ông Phạm Anh Hưng theo Hợp đồng thế chấp cổ phiếu.
- + Hàng tồn kho là xe Hyundai mới 100% theo Hợp đồng thế chấp tài sản số 21/0622/HĐTC-HTK.

(17.11) Vay ngắn hạn từ Ngân hàng Chính sách xã hội theo các hợp đồng sau:

(17.11.1) Khoản vay của Công ty CP City Auto từ Ngân hàng Chính sách xã hội thành phố Thủ Đức theo hợp đồng tín dụng số 16/2021/HĐTD ngày 10/12/2021; thời hạn cho vay 11 tháng, lãi suất vay: 0%/năm, mục đích vay: trả lương cho người lao động quay lại làm việc do ảnh hưởng bởi dịch Covid-19. Khoản vay này không có tài sản đảm bảo. Số dư nợ vay đến ngày 30/6/2022 của khoản vay này là 2.492.880.000 đồng.

(17.11.2) Khoản vay của Công ty CP Auto Trường Chinh từ Ngân hàng Chính sách xã hội quận Tân Bình và quận 3 theo hợp đồng tín dụng số 19/2021/HĐTD.NCoV ngày 14/10/2021, Phụ lục số 19/2021/HĐTD.NCoV/PL01 ngày 26/11/2021 và số 19/2021/HĐTD.NCoV/PL02 ngày 24/12/2021; thời hạn cho vay 11 tháng, lãi suất vay: 0%/năm, mục đích vay: trả lương cho người lao động quay lại làm việc do ảnh hưởng bởi dịch Covid-19. Khoản vay này không có tài sản đảm bảo. Số dư nợ vay đến ngày 30/6/2022 của khoản vay này là 1.524.900.000 đồng.

(17.11.3) Khoản vay của Công ty CP Auto Bình Phước từ Ngân hàng Chính sách xã hội tỉnh Bình Phước theo hợp đồng tín dụng số 04/2021/HĐTD ngày 30/12/2021; thời hạn cho vay 11 tháng, lãi suất vay: 0%/năm, mục đích vay: trả lương cho người lao động quay lại làm việc do ảnh hưởng bởi dịch Covid-19. Khoản vay này không có tài sản đảm bảo. Số dư nợ vay đến ngày 30/6/2022 của khoản vay này là 1.211.280.000 đồng.

(17.11.4) Khoản vay của Công ty CP ô tô Phú Mỹ từ Ngân hàng Chính sách xã hội thành phố Thủ Đức theo hợp đồng tín dụng số 18/2022/HĐTD ngày 24/01/2022; thời hạn cho vay 11 tháng, lãi suất vay: 0%/năm, mục đích vay: trả lương cho người lao động quay lại làm việc do ảnh hưởng bởi dịch Covid-19. Khoản vay này không có tài sản đảm bảo. Số dư nợ vay đến ngày 30/6/2022 của khoản vay này là 2.117.180.000 đồng.

	6 tháng đầu năm 2022	6 tháng đầu năm 2021
18. Quỹ khen thưởng phúc lợi		
Số dư đầu năm	3.274.296.577	3.338.713.588
Giảm do chi quỹ	(458.707.149)	(146.642.160)
Số dư cuối kỳ	2.815.589.428	3.192.071.428

CÔNG TY CỔ PHẦN CITY AUTO

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho thời kỳ hoạt động từ ngày 01/4/2022 đến ngày 30/6/2022

(Đơn vị tính bằng đồng, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

19. Vốn chủ sở hữu

a) Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

	01/01/2021	Tăng	Giảm	30/6/2021
- Vốn góp của chủ sở hữu	455.399.680.000	227.600.320.000	-	683.000.000.000
- Quỹ Đầu tư phát triển	4.367.682.760	-	-	4.367.682.760
- Quỹ khác	1.215.200.961	-	-	1.215.200.961
- LNST chưa phân phối	44.543.995.817	16.103.780.367	-	60.647.776.184
Cộng	505.526.559.538	243.704.100.367	-	749.230.659.905

	01/01/2022	Tăng	Giảm	30/6/2022
- Vốn góp của chủ sở hữu	723.977.760.000	-	-	723.977.760.000
- Quỹ Đầu tư phát triển	4.367.682.760	-	-	4.367.682.760
- Quỹ khác	1.215.200.961	-	-	1.215.200.961
- LNST chưa phân phối	52.559.940.586	36.145.677.992	-	88.705.618.578
Cộng	782.120.584.307	36.145.677.992	-	818.266.262.299

b) Lợi nhuận chưa phân phối

	6 tháng đầu năm 2022	6 tháng đầu năm 2021
Lợi nhuận chưa phân phối đầu năm	52.559.940.586	44.543.995.817
- Lợi nhuận phát sinh trong kỳ	36.145.677.992	16.103.780.367
Lợi nhuận chưa phân phối cuối kỳ	88.705.618.578	60.647.776.184

c) Vốn điều lệ theo giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp lần 14 ngày 21/12/2021 là 723.977.760.000 đồng tương đương 72.397.776 Cổ phiếu, mệnh giá là 10.000 đồng/Cổ phiếu.

Cổ phiếu	Số cuối kỳ	Số đầu năm
- Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	72.397.776	72.397.776
- Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	72.397.776	72.397.776
+ Cổ phiếu phổ thông	72.397.776	72.397.776
- Số lượng cổ phiếu được mua lại (cổ phiếu quỹ)	-	-
- Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	72.397.776	72.397.776
+ Cổ phiếu phổ thông	72.397.776	72.397.776
* Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành:	10.000 đồng/cp	10.000 đồng/cp

20. Lợi ích của cổ đông không kiểm soát

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
+ Vốn góp của cổ đông không kiểm soát	26.402.000.000	26.402.000.000
+ Lợi nhuận chia cho cổ đông không kiểm soát	5.540.055.706	3.485.964.654
+ Chi cổ tức cho cổ đông không kiểm soát	(2.612.456.272)	(286.175.169)
+ Điều chỉnh sang Lợi nhuận chưa phân phối	-	(26.702.115)
+ Trích lập các quỹ	125.282.752	132.600.203
Cộng	29.454.882.186	29.707.687.573

21. Các chỉ tiêu ngoài bảng cân đối kế toán

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
- Nợ khó đòi đã xử lý	5.356.110.813	5.356.110.813

CÔNG TY CỔ PHẦN CITY AUTO

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho thời kỳ hoạt động từ ngày 01/4/2022 đến ngày 30/6/2022

(Đơn vị tính bằng đồng, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

VI. Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

	Quý II năm 2022	Quý II năm 2021
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ		
a) Doanh thu		
- Doanh thu bán hàng hoá	1.498.817.832.965	1.295.482.040.413
- Doanh thu cung cấp dịch vụ	95.821.909.210	76.033.264.751
Cộng	1.594.639.742.175	1.371.515.305.164
Các khoản giảm trừ		
Hàng bán bị trả lại	3.145.523.930	15.206.052.121
Cộng doanh thu thuần	1.591.494.218.245	1.356.309.253.043
Chi tiết doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ		
Doanh thu bán xe	1.470.423.530.095	1.259.440.048.750
Doanh thu bán phụ tùng	25.248.778.940	20.835.939.542
Doanh thu cung cấp dịch vụ	93.214.597.930	59.654.810.341
Doanh thu khác	2.607.311.280	16.378.454.410
Cộng	1.591.494.218.245	1.356.309.253.043
2. Giá vốn bán hàng và cung cấp dịch vụ		
- Giá vốn xe đã bán	1.397.947.756.275	1.223.074.945.111
- Giá vốn hàng hóa đã bán	23.259.388.353	16.749.903.641
- Giá vốn dịch vụ cung cấp	49.784.869.113	32.854.408.624
- Giá vốn khác	831.902.643	-
Cộng	1.471.823.916.384	1.272.679.257.376
3. Doanh thu hoạt động tài chính		
- Lãi tiền gửi ngân hàng	838.632.710	10.680.983
- Chiết khấu thanh toán được hưởng	42.171.568	84.755.842
- Lãi từ khoản ký quỹ	6.767.896.983	6.829.242.339
Cộng	7.648.701.261	6.924.679.164
4. Chi phí tài chính		
- Chi phí lãi vay	10.344.398.720	12.185.319.284
Cộng	10.344.398.720	12.185.319.284
5. Chi phí bán hàng		
- Chi phí nhân viên	35.191.541.213	21.398.057.777
- Chi phí khấu hao TSCĐ	1.745.496.222	2.278.547.659
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	8.609.410.194	12.403.286.406
- Chi phí bằng tiền khác	19.174.806.815	9.699.827.183
Cộng	64.721.254.444	45.779.719.025

CÔNG TY CỔ PHẦN CITY AUTO

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho thời kỳ hoạt động từ ngày 01/4/2022 đến ngày 30/6/2022

(Đơn vị tính bằng đồng, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

6. Chi phí quản lý doanh nghiệp	Quý II năm 2022	Quý II năm 2021
- Chi phí nhân viên quản lý	12.799.930.510	8.819.687.779
- Chi phí vật liệu, đồ dùng văn phòng	1.056.741.276	922.256.707
- Chi phí khấu hao TSCĐ	2.725.789.180	1.490.339.247
- Lợi thế thương mại phân bổ	2.429.105.211	4.048.508.685
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	10.331.482.078	9.601.353.062
- Chi phí bằng tiền khác	3.333.232.917	2.553.148.561
Cộng	32.676.281.172	27.435.294.041
7. Thu nhập khác	Quý II năm 2022	Quý II năm 2021
- Lãi từ việc thanh lý tài sản cố định	1.259.936.815	32.012.158
- Thu hỗ trợ chi phí tổ chức sự kiện, bán hàng từ nhà cung cấp	5.453.011.058	1.779.554.997
- Xử lý công nợ lâu năm	9.509.713	3.062.912
- Thu nhập khác	2.942.936.562	552.766.118
Cộng	9.665.394.148	2.367.396.185
8. Chi phí khác	Quý II năm 2022	Quý II năm 2021
- Chi phí phạt thuế, thuế truy thu	47.885.572	2.325.024.116
- Chi phí khác	340.136.707	439.539.101
Cộng	388.022.279	2.764.563.217
9. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	Quý II năm 2022	Quý II năm 2021
- Chi phí thuế TNDN hiện hành - Công ty CP City Auto	1.107.135.139	241.193.028
- Chi phí thuế TNDN - Công ty CP ô tô Phú Mỹ	1.170.778.080	1.362.431.310
- Chi phí thuế TNDN - Công ty CP ô tô Nha Trang	788.658.683	395.730.881
- Chi phí thuế TNDN - Công ty CP Auto Trường Chinh (hợp nhất)	1.964.566.543	114.891.873
Cộng	5.031.138.445	2.114.247.092
10. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	Quý II năm 2022	Quý II năm 2021
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	23.823.302.210	873.510.573
Trong đó:		
- Lợi ích của cổ đông không kiểm soát	1.276.897.007	326.329.843
- Lợi nhuận sau thuế của cổ đông của Công ty mẹ	22.546.405.203	547.180.730
- Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-
Lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phần phổ thông của Công ty mẹ	22.546.405.203	547.180.730
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ	72.397.776	68.300.000
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	311	8

CÔNG TY CỔ PHẦN CITY AUTO

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho thời kỳ hoạt động từ ngày 01/4/2022 đến ngày 30/6/2022

(Đơn vị tính bằng đồng, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

Lãi suy giảm trên cổ phiếu	Quý II năm 2022	Quý II năm 2021
- Lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phần phổ thông	22.546.405.203	547.180.730
Lợi nhuận sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông sau khi đã điều chỉnh các yếu tố suy giảm	22.546.405.203	547.180.730
- Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ	72.397.776	68.300.000
- Số lượng cổ phiếu phổ thông dự kiến được phát hành thêm	-	-
Bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đã điều chỉnh các yếu tố suy giảm	72.397.776	68.300.000
Lãi suy giảm trên cổ phiếu	311	8
11. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố	Quý II năm 2022	Quý II năm 2021
- Chi phí nguyên liệu, vật liệu, công cụ dụng cụ	1.471.823.916.384	1.272.679.257.376
- Chi phí nhân công	47.991.471.723	30.217.745.556
- Chi phí khấu hao	4.637.830.119	4.221.829.759
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	18.940.892.272	22.004.639.468
- Chi phí khác	25.827.341.502	16.770.798.283
Cộng	1.569.221.452.000	1.345.894.270.442

VII. Những thông tin khác

1. Thông tin về các bên liên quan

<u>Bên liên quan</u>	<u>Mối quan hệ</u>
Hội đồng quản trị, Ban Giám đốc, và Ban Kiểm soát	Thành viên quản lý chủ chốt
Công ty CP New City Rent A Car	Đầu tư dài hạn khác
Công ty Cổ phần Easy Car	Đầu tư dài hạn khác
Công ty CP Tập đoàn Tân Thành Đô	Công ty có cùng thành viên quản lý chủ chốt

Trong quý này, Công ty có phát sinh các nghiệp vụ với các bên liên quan như sau:

<u>Bên liên quan</u>	<u>Mối liên kết</u>	<u>Nội dung</u>	<u>Số tiền</u>
Công ty CP Tập đoàn Tân Thành Đô	Bên liên quan	Bán hàng hóa	255.169.724.695
		Mua hàng hóa	66.674.570.408
		Doanh thu tài chính khác	10.469.603.278
		Nhận cung cấp dịch vụ	7.626.000.000

Số dư phải thu/ (phải trả) đối với các bên liên quan đến ngày kết thúc kỳ tài chính:

<u>Bên liên quan</u>	<u>Nội dung</u>	<u>Số tiền</u>	
		<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Ông Trần Ngọc Dân (Chủ tịch HĐQT)	Phải trả khác	-	(358.919.623)
Ông Nguyễn Hoàng Minh Tiến	Phải trả khác	(1.807.655.887)	(2.243.367.810)
Công ty CP Tập đoàn Tân Thành Đô	Phải thu	431.818.303.573	120.500.656.674
	Ký quỹ dài hạn	191.732.000.000	191.732.000.000
	Phải trả	(25.665.684.454)	(16.167.142.296)

CÔNG TY CỔ PHẦN CITY AUTO

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho thời kỳ hoạt động từ ngày 01/4/2022 đến ngày 30/6/2022

(Đơn vị tính bằng đồng, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

2. Những sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ tài chính

Ngoài sự kiện nêu trên, không có sự kiện trọng yếu nào khác phát sinh sau ngày kết thúc kỳ hoạt động cần phải điều chỉnh hoặc phải công bố trong báo cáo tài chính.



Nguyễn Hoàng Minh Tiến
Tổng Giám đốc
Ngày 20 tháng 7 năm 2022

Lê Thị Phú
Kế toán trưởng

Trương Thị Hồng Vân
Người lập biểu

